

Bản án số: 02/2019/DSST  
Ngày: 26/02/2019  
V/v: “*Tranh chấp đòi nợ*  
*theo hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY - TP. CẦN THƠ**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà **Phùng Kim Toan***

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Phan Ngọc Đáng**

2. Bà **Cao Thị Ngọc Hà**

*- Thư ký phiên tòa: Ông **Cao Hữu Sáng** - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.*

Trong các ngày 22- 26/02/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 51/2019/DSST-DS ngày 11/02/2019 về “*tranh chấp đòi nợ theo hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2019/QĐST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trương Tấn N** sinh năm 1974

Địa chỉ: 10/24 tổ 9, khu vực Thới Thạnh, phường Thới An Đông, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của ông N: Ông Mai Công N. Địa chỉ: 62 đường 20, khu nâng cấp đô thị, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Ông N ủy quyền cho ông Mai Công N tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 11/7/2018. Thời hạn ủy quyền đến khi vụ án được giải quyết xong

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, bà **Nguyễn Kim L**

Địa chỉ: 28/84 khu vực Thới Ninh, phường Thới An Đông, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Bà L ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 27/12/2018. Thời hạn ủy quyền đến khi vụ án được giải quyết xong.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Phan Thị X** sinh năm 1974

Địa chỉ: Thới Thạnh, phường Thới An Đông, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

2. Chị **Trương Thị Cẩm Y** sinh năm 1992

Địa chỉ: Thạnh Hòa, phường Thới An Đông, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

3. Anh **Trương Văn Q** sinh năm 1995

Địa chỉ: tổ 9 khu vực Thới Thạnh, phường Thới An Đông, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của bà Phan Thị X, chị Trương Thị Cẩm Y, anh Trương Văn Q: Ông Mai Công N. Địa chỉ: 62 đường 20, khu nâng cấp đô thị, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Bà X, chị Y, anh Qunrg ủy quyền cho ông Mai Công N theo văn bản ủy quyền ngày 27/12/2018. Thời hạn ủy quyền đến khi vụ án được giải quyết xong.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

### **Người được nguyên đơn ủy quyền trình bày:**

Vào tháng 3/2012 ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Kim L (bị đơn) có vay ông Trương Tấn N (nguyên đơn) tổng số tiền là 130.000.000 đồng có tính lãi hàng tháng. Đến nay ông T và bà L không trả cho nguyên đơn vốn gốc đã vay. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền là 130.000.000 đồng tiền gốc và số tiền lãi 1,5%/tháng tính từ tháng 12/2011 cho đến khi bị đơn thanh toán xong nợ cho nguyên đơn.

### **Bị đơn trình bày:**

Bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền là 100.000.000 đồng vào ngày 11/02/2011, tính lãi 2,5%/tháng. Bị đơn đóng lãi đến tháng 08/2011 được 06 tháng là 15.000.000 đồng.

Đến ngày 11/8/2011 bị đơn có vay tiếp số tiền là 30.000.000 đồng. Tổng hai lần vay là 130.000.000 đồng, đóng lãi đến tháng 12/2011 được 4 tháng là 13.000.000 đồng.

Sau đó do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bị đơn không đóng lãi tiếp cho nguyên đơn được. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn ghi vào biên nhận nợ số tiền lãi từ tháng 01/2012 đến tháng 07/2012 với 07 tháng lãi là 22.750.000 đồng.

Ngày 03/8/2012 bị đơn có nhờ ông Mai Công N nói với nguyên đơn về việc bị đơn xin trả nợ gốc hàng tháng và ngày 22/12/2012, nguyên đơn đã đồng ý cho bị đơn trả nợ gốc là 2.000.000 đồng/tháng trên số tiền gốc 130.000.000 đồng. Đến ngày 28/4/2018 bị đơn đã trả được 123.000.000 đồng tiền gốc. Nay bị đơn chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền là 7.000.000 đồng. Bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 7.000.000 đồng.

Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đối chất với các đương sự, tại phiên đối chất, nguyên đơn ông Trương Tấn N trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của ông Mai Công N là người được ông ủy quyền theo biên bản hòa giải ngày 15/10/2018. Ông không trình bày gì thêm. Đối với các chứng cứ ông T cung cấp, ông cho rằng ông có nhận số tiền 123.000.000 đồng từ ông T nhưng là tiền trả lãi. Ông không biết đây là tiền trả vốn. Ông T đưa tiền kêu ông ký nhận thì ông ký nhận, ông nghĩ đây là số tiền ông T trả lãi, đến nay ông mới biết trong biên nhận ông T ghi là trả vốn. Ông giữ nguyên yêu cầu buộc ông T, bà L trả cho ông 130.000.000 đồng cùng lãi suất 1,5%/tháng tính từ tháng 12/2011 đến khi ông T, bà L trả xong nợ cho ông.

Bà L là người trực tiếp đưa tiền cho ông và gia đình ông. Ông và vợ con ông có ký nhận tiền theo biên nhận ông T cung cấp, tổng cộng số tiền ông và gia đình của ông nhận của bà L là 123.000.000 đồng nhưng đây là tiền lãi của số tiền vốn gốc 130.000.000 đồng, không phải tiền trả vốn như ông T trình bày.

**Bị đơn trình bày bổ sung:** các biên nhận là do vợ ông là bà Nguyễn Kim L trả nợ gốc cho gia đình ông Trương Tấn N. Giấy trả tiền làm thành 02 bản, ông và bà L giữ 01 bản, ông N giữ 01 bản có giá trị như nhau. Tổng cộng ông và bà L đã trả cho ông N 123.000.000 đồng. Hiện nay ông và bà L chỉ nợ ông N 7.000.000 đồng. Ông và bà L đồng ý trả cho ông N 7.000.000 đồng này.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Mai Công N trình bày:** Năm 2012 ông T có ủy quyền cho ông để đòi nợ thay cho ông T đối với khoản nợ 114.000.000 đồng Ủy ban nhân dân phường Thới An Đông còn nợ ông T. Ông T cho rằng nếu đòi được thì ông T sẽ lấy số tiền này trả nợ cho ông N. Ông có tiến hành đòi nợ theo yêu cầu của ông T nhưng sau đó ông không biết Ủy ban nhân dân phường Thới An Đông, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ có trả tiền cho ông T không, nhưng ông T thì không có trả tiền cho ông N. Số tiền 12.000.000 đồng mà ông T cho rằng ông T giao cho ông là không có.

Toà án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ tiến hành hòa giải, công bố chứng cứ nhưng các đương sự không thống nhất phương án giải quyết, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai.

**Tại phiên tòa hôm nay,** đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn tổng vốn và lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là 190.300.000 đồng. Trong đó bao gồm 130.000.000 đồng nợ gốc, lãi phải đóng theo thỏa thuận là 183.300.000 đồng, lãi đã đóng là 123.000.000 đồng, số tiền lãi bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn là 60.300.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu giám định các biên nhận nợ. Bị đơn đồng ý trả nợ một phần theo yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn 7.000.000 đồng vốn gốc còn nợ của nguyên đơn.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại tiền đã vay. Các bên xác định thời điểm vay tiền vào năm 2011 nhưng phía bị đơn chỉ vi phạm nghĩa vụ thanh toán vào năm 2018 nên xác định đây là “*Tranh chấp đòi nợ theo hợp đồng vay tài sản*” giữa cá nhân với cá nhân thuộc ngành luật dân sự điều chỉnh. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ nên vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Do việc vay nợ giữa các bên được thiết lập vào năm 2011, thời điểm Bộ luật dân sự 2005 có hiệu lực nên áp dụng quy định Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết.

[2] Về nội dung: các bên thống nhất bị đơn có vay của nguyên đơn tổng số tiền 130.000.000 đồng có làm biên nhận nợ, các bên ký kết biên nhận nợ trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng không trái quy định pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ trả nợ của các bên theo hợp đồng.

Nội dung tranh chấp cụ thể:

Phía nguyên đơn cho rằng bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền là 130.000.000 đồng có tính lãi hàng tháng. Đến nay ông T và bà L không trả cho nguyên đơn vốn gốc đã vay. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền là 130.000.000 đồng tiền gốc và số tiền lãi 1,5%/tháng tính từ tháng 12/2011 đến khi giải quyết xong vụ án. Bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn tổng số tiền 130.000.000 đồng. Đến ngày 28/4/2018 bị đơn đã trả được 123.000.000 đồng tiền gốc. Nay bị đơn chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền là 7.000.000 đồng.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy, các bên thống nhất số tiền vay gốc là 130.000.000 đồng. Số tiền 123.000.000 bị đơn trả cho nguyên đơn, nguyên đơn cho rằng là tiền lãi, bị đơn cho rằng đó là tiền trả dần của tiền nợ gốc

Xét chứng cứ các bên cung cấp: phía nguyên đơn cho rằng có ký nhận vào các biên nhận nợ bị đơn cung cấp nhưng đó là tiền bị đơn đóng lãi, bị đơn cho rằng đó là tiền trả dần nợ gốc. Bị đơn cung cấp các chứng cứ chứng minh đã trả hàng tháng cho nguyên đơn mỗi tháng 2.000.000 đồng. Trong tờ biên nhận có tiêu đề “Anh N” có ghi nhận: anh N đồng ý cho vốn trả dần không tính lãi. Từ đó ghi nhận trong biên nhận là “trả vốn” và có chữ ký nhận tiền của nguyên đơn ông Trương Tấn N, Trương Thị Cẩm Y, Trương Văn Quảng. Nguyên đơn cho rằng đó là tiền trả lãi. Hội đồng xét xử đã làm rõ lời trình bày của nguyên đơn, nguyên đơn xác định số tiền lãi theo các bên thỏa thuận bị đơn phải trả cho nguyên đơn mỗi tháng hơn 2.000.000 đồng, nguyên đơn cho rằng mỗi tháng có nhận tiền lãi của bị đơn số tiền 2.000.000 đồng trong thời gian dài mà không có ý kiến gì là do bị đơn có khả năng bao nhiêu thì thanh toán bấy nhiêu cho nguyên đơn. Nguyên đơn không có ý kiến và cũng không đòi bị đơn trả thêm tiền lãi cho đến khi nguyên đơn khởi kiện. Hội đồng xét xử nhận thấy lời trình bày của nguyên đơn là không có căn cứ, lời trình bày và chứng cứ phía bị đơn cung cấp là có cơ sở. Do đó buộc ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Kim L trả cho ông Trương Tấn N số tiền 7.000.000 đồng nợ gốc còn nợ lại là phù hợp. Do bị đơn chậm thanh toán từ ngày tháng 5/2018 nên buộc bị đơn tiếp tục trả lãi theo quy định pháp luật từ tháng 5/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm tháng 02/2019, thời gian chậm trả là 09 tháng, lãi suất theo quy định pháp luật bị đơn phải trả cho nguyên đơn 709.000 đồng. Tổng vốn và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn đến ngày xét xử sơ thẩm là: 7.709.000 đồng.

Phương thức thanh toán được xem xét ở giai đoạn thi hành án.

[4] Về án phí: nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán vốn và lãi 190.300.000 đồng, Hội đồng xét xử chấp thuận một phần yêu cầu khởi kiện nên nguyên đơn phải chịu án phí trên số tiền không được Hội đồng xét xử chấp thuận. Ông Trương Tấn N có đơn xin miễn giảm án phí ngày 19/7/2018, ông N trình bày: do hoàn cảnh gia đình đang rất khó khăn, không có đủ khả năng đóng án phí, xin xem xét giảm mức án phí cho ông. Hội đồng xét xử xét thấy ông không thuộc T hợp xem xét giảm án phí theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó ông phải chịu án phí tương ứng với số tiền ông yêu cầu bị đơn thanh toán nhưng không được Hội đồng xét xử chấp thuận.

Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.  
*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 70, Điều 91, Điều 93, Điều 97, Điều 147, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015.
- Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp thuận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Kim L phải trả cho ông Trương Tấn N số tiền 7.709.000 đồng (trong đó bao gồm 7.000.000 đồng vốn gốc và 709.000 đồng tiền lãi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn phải nộp 9.130.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 009351 ngày 01/8/2018 thành án phí. Nguyên đơn phải nộp thêm 5.311.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải nộp: 385.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để xin Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

### **Nơi nhận:**

- VKSND QBT;
- VKSND TPCT
- TAND TPCT
- Sở Tư pháp CT
- Đương sự
- Chi cục THADS QBT
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
 THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phùng Kim Toan**